

Bản án số: 130/2017/HSST
Ngày: 25/ 12 /2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thị Thu Thủy
- Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Duân – Bí thư đoàn xã Tân Hương, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.
- Ông Nguyễn Hồng Hà – Cán bộ hưu trí xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Hải Chiêu - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tham gia phiên toà: Ông Vũ Xuân Hữu - kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã PY, tỉnh TN, tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số:116/2017/HSST ngày 14/11/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122 /2017/QĐXX ngày 01/12/2017 đối với bị cáo: **Dương Văn H**, tên gọi khác: Không, sinh năm 1994.

Trú tại: Xóm LĐ, xã TC, thị xã PY, tỉnh TN; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Dương Văn Q và bà Dương Thị H. Gia đình bị cáo có 02 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ hai; vợ, con chưa có .

Tiền án: Không;

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2017 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ, lưu giam Công an thị xã PY, tỉnh TN.

(Có mặt tại phiên tòa)

- *Người bị hại:* Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1955

Trú tại: Tổ 1, khối 40, phường BĐ, quận H, thành phố HN (*Vắng mặt tại phiên tòa – có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1- Chị Hoàng Thùy D, sinh năm 1988.

Trú tại: Tổ 15, phường TT, thành phố TN, tỉnh TN (*Vắng mặt tại phiên tòa – có đơn xin xét xử vắng mặt*).

1- Chị Dương Thị H, sinh năm 1973.

Trú tại: Xóm LĐ, xã TC, thị xã PY, tỉnh TN (*Có mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 17/7/2017, Dương Văn H gọi điện thoại cho ông Nguyễn Xuân T(sinh năm 1955, trú tại: Tổ 1, khối 40, phường BD, quận H, thành phố HN) làm nghề lái xe ôm tại khu vực phường NTN, quận H – H N bảo đón H ở số 72 chợ Hôm, phố Trần Xuân Soạn – Hai Bà Trưng – Hà Nội. Sau khi ông T đến đón H, H bảo ông T chở về khu vực thị xã PY, tỉnh T N. Ông T đồng ý và dùng xe mô tô nhãn hiệu Honda - SH, biển kiểm soát: 29D1-33639 để chở H. Trên đường đi đến ngã ba phố N- SS – HN, thì H nảy sinh ý định cướp chiếc xe mô tô của ông T, nên H bảo ông T chở H đi đến khu vực cổng phụ Bệnh viện Quân y 91- PY. Khi đến nơi H rút điện thoại giả vờ gọi cho chị gái và có nói với ông T là đợi 5 phút. Lúc này trời mưa nhỏ, nơi ông T dừng xe có ánh sáng yếu. Lợi dụng lúc ông T không để ý H đã dùng một viên gạch bê tông nhặt ở rìa đường đập vào đầu ông T. Ông T bị H đánh thì giật mình và gạt tay lại phía sau đồng thời xuống khỏi xe mô tô, viên gạch trên tay H rơi xuống đường. Sau đó, H tiếp tục dùng mũ bảo hiểm đập hai, ba cái vào đầu, vào mặt ông T, ông T phải lùi lại và tránh xa vị trí chiếc xe mô tô, chìa khóa điện vẫn cắm ở ổ điện. H thấy vậy liền lên xe mô tô của ông T và lấy xe chạy đi. Khi đến quán Internet đối diện cổng ký túc S, H mở cốp xe của ông T và phát hiện bên trong có 01 quyển sách luật giao thông đường bộ, 01 máy nghe nhạc, 02 quyển sổ, bên trong một quyển sổ có một giấy đăng ký, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe (đều mang tên Nguyễn Xuân T); 01 thẻ bảo hiểm, 01 chùm có nhiều chìa khóa, 01 bao thuốc lá ba số và một chiếc ví bên trong có hai tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 01 đô; 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000đ, 01 tờ mệnh giá 5000đ. H chỉ giữ lại một giấy đăng ký, 01 giấy phép lái xe (đều mang tên Nguyễn Xuân T), những thứ còn lại H vứt bỏ đi. Khoảng 10 giờ ngày 17/7/2017 H mang chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29D1-33639 hiệu SH đến tiệm vàng bạc TD ở Tổ 15, phường TT, thành phố TN, tỉnh TN, cầm cố cho chị D lấy 22.000.000đ. Khi cầm cố xe cho chị D Hùng nói dối chị D là xe H mới mua, đồng thời H đưa cho chị D một chứng minh thư nhân dân mang tên Dương Văn H và 01 đăng ký xe mang tên Nguyễn Xuân T. Chị D đồng ý và đưa cho H số tiền 22.000.000đ, H hẹn chị D 01 tháng sau sẽ quay lại chuộc xe. Số tiền 22.000.000đ H sử dụng mua thẻ chơi game, trả nợ tiền chơi game và chi tiêu

cho cá nhân hết. Đến ngày 11/8/2017 H đến Cơ quan Công an thị xã PY đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda-SH, BKS 29D1- 33639, màu sơn đen – xám, dung tích 152, số khung DY 004098, số máy F14E-0004173, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Xuân T, số 010126005980, 01 chứng minh thư mang tên Nguyễn Xuân T, số 035055000101, 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 031215 mang tên Nguyễn Xuân T, 01 cục bê tông kích thước (17,5 x 6)cm, chỗ dày nhất là 5,5 cm và 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Dương Văn H.

Ngày 17/7/2017 Cơ quan điều tra Công an thị xã PY đã ra quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với chiếc xe nhãn hiệu Honda – SH do Việt Nam sản xuất, dung tích 152, BKS 29D1- 33639, số máy F14E-0004173, số khung DY 004098, màu sơn đen – xám, loại xe hai bánh, nguồn gốc xe lắp ráp trong nước.. xe đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận định giá số 62/KLĐG ngày 19/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản thị xã PY kết luận: 01 chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda- SH, BKS 29D1- 33639, màu sơn đen – xám, dung tích 152, số khung DY 004098, số máy F14E-0004173 (xe đã qua sử dụng); theo quyết định trưng cầu số 78/QĐ-CSĐT ngày 17/7/2017 của Công an thị xã PY tổng trị giá là 46.206.000đ.

Bản cáo trạng số 117/KSĐT ngày 13/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY đã truy tố Dương Văn H về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Dương Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Kết thúc thẩm vấn, vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã đề nghị mức hình phạt:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Văn H từ 07 năm đến 08 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra việc giải quyết.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 cục bê tông kích thước (17,5 x 6)cm, chỗ dày nhất là 5,5 cm. Trả lại cho bị cáo H 01 chứng minh thư nhân dân.

- Bị cáo phải chịu án phí và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận:

- Bị cáo không có tranh luận gì.

Trong phần tranh luận bị cáo thừa nhận việc truy tố và xét xử là không oan, đúng người, đúng tội.

Nói lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã P, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết quả thực nghiệm điều tra; kết luận định giá tài sản ngày 19/7/2017 và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm gây án.

[3] Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 3 giờ ngày 17/7/2017, tại khu vực cổng Bệnh viện 91 thuộc tổ dân phố ĐC, thị xã PY, tỉnh TN, Dương Văn H đã có hành vi dùng 01 cục bê tông kích thước (17,5 x 6)cm, chỗ dày nhất là 5,5 cm, là phương tiện nguy hiểm, đập vào đầu, vào mặt ông Nguyễn Xuân T rồi cướp đi của ông Nguyễn Xuân T 01 chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda- SH, BKS 29D1- 33639, màu sơn đen – xám, dung tích 152, số khung DY 004098, số máy F14E-0004173 (xe đã qua sử dụng), có trị giá là 46.206.000đ(bốn mươi sáu triệu hai trăm linh sáu nghìn đồng), sau đó H mang chiếc xe trên đến cầm cố cho chị Hoàng Thùy D, sinh năm 1988, trú tại: Tổ 15, phường TT, thành phố TN, tỉnh TN lấy 22.000.000đ, khi cầm cố cho chị D, H nói dối là xe của H. Số tiền 22.000.000đ H đã dùng trả nợ, mua thẻ game và chi tiêu cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda-SH, BKS 29D1- 33639, màu sơn đen – xám, dung tích 152, số khung DY 004098, số máy F14E-0004173, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Xuân T, số 010126005980, 01 chứng minh thư mang tên Nguyễn Xuân T, số

035055000101, 01 chứng nhân đăng ký xe mô tô số: 031215 mang tên Nguyễn Xuân T. Đã trả lại cho ông T.

- 01 cục bê tông kích thước (17,5 x 6)cm, chỗ dày nhất là 5,5 cm chuyển cho cơ quan Thi hành án. 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Dương Văn H chuyển theo hồ sơ vụ án.

[5] Hành vi, ý thức của bị cáo Dương Văn H phạm vào tội: “ Cướp tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 (dùng phương tiện nguy hiểm).

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY đã truy tố bị cáo Dương Văn H theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Nội dung điều luật quy định:

Điều 133 Bộ luật hình sự:

1 “1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Có tổ chức;

...

d) “ Sử dụng... phương tiện nguy hiểm khác.”

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm.

[6] Xét tính chất vụ án thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bất bình trong nhân dân. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[7] Xét nhân thân bị cáo: Bị cáo xuất thân từ nhân dân lao động thuần túy, tuổi đời còn trẻ, không có tiền án, tiền sự, song do thiếu tu dưỡng, rèn luyện, ham chơi game, điện tử, dẫn đến việc nợ tiền chơi game, không có tiền trả nợ, nên từ đó đã dẫn bị cáo đến việc phạm tội.

[8] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Do vậy khi lượng hình cần chiếu cố, xem xét giảm nhẹ phần nào về hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[9] Về hình phạt: Xét tính chất vụ án, cân nhắc về nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Mặc dù bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Song bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng vì vậy cần buộc bị cáo cách ly xã hội một thời gian mới có thể cải tạo bị cáo thành công dân tốt và cũng để răn đe, phòng ngừa chung.

Mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp được chấp nhận.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản. Do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, cũng như trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa ông Nguyễn Xuân T xác định đã được Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe và toàn bộ giấy tờ xe. Đối với việc ông bị bị cáo đánh nhưng thương tích không đáng kể, ông T đã từ chối đi giám định và sau đó gia đình bị cáo cũng đã đến nói chuyện tình cảm, bồi thường cho ông T, ông T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm gì. Đối với số tài sản để trong cốp xe gồm: 01 quyển sách luật giao thông đường bộ, 01 máy nghe nhạc, 02 quyển sổ, 01 thẻ bảo hiểm, 01 chùm có nhiều chìa khóa, 01 bao thuốc lá ba số và một chiếc ví bên trong có hai tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 01 đô; 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000đ, 01 tờ mệnh giá 5000đ. Sau khi lấy xe xong bị cáo đã vứt những thứ trên đi, quá trình điều tra không thu giữ được. Bản thân ông T xác định những thứ đó không có giá trị nhiều. Nên ông không đề nghị bị cáo phải bồi thường. Xét thấy việc ông T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường là ý chí tự nguyện của ông T. Nên không đặt ra việc giải quyết.

Đối với số tiền 22.000.000đ bị cáo cầm cố xe cho chị D. Sau đó gia đình bị cáo (bà H là mẹ đẻ của bị cáo) cũng đã trả lại cho chị D số tiền này. Chị D xác định đã nhận đủ số tiền trên vào ngày 17/8/2017 và cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Nên không đặt ra việc giải quyết.

Bà H tại phiên tòa đã xác định số tiền 22.000.000đ mà bà đã trả lại cho chị D là tiền của bị cáo H trước kia đi làm về đưa cho bà quản lý giữ hộ. Nay bà đứng ra trả thay cho bị cáo. Nên bà không yêu cầu gì, nên không đặt ra việc giải quyết.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda-SH, BKS 29D1- 33639, màu sơn đen – xám, dung tích 152, số khung DY 004098, số máy F14E-0004173, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Xuân T, số 010126005980, 01 chứng minh thư mang tên Nguyễn Xuân T, số 035055000101, 01 chứng nhân đăng ký xe mô tô số: 031215 mang tên Nguyễn Xuân T. Đã được Cơ quan điều tra Công an thị xã Phổ Yên trả lại cho ông T vào ngày 30/8/2017. Do vậy không đặt ra việc giải quyết.

- 01 cục bê tông kích thước (17,5 x 6)cm, chỗ dày nhất là 5,5 cm. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo xác định đây là vật bị cáo đã dùng để đánh ông T khi cướp tài sản của ông T. Là vật không có giá trị sử dụng. Cần tịch thu để tiêu hủy.

- 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Dương Văn H có số:091771615. Nay nên trả lại cho bị cáo H (trả tại phiên tòa).

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Văn H phạm tội “ *Cướp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Hình phạt chính: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133, điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt: **Dương Văn H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn thụ hình tính từ ngày tạm giam 11/8/2017.

Áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự, ra quyết định tạm giam bị cáo Dương Văn H 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 cục bê tông kích thước (17,5 x 6) cm, chỗ dày nhất là 5,5 cm.

Trả lại cho bị cáo Dương Văn H 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Dương Văn H có số:091771615 (trả tại phiên tòa).

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/11/2017 giữa Cơ quan điều tra Công an thị xã PY với Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã PY).

5. Về án phí: Căn cứ điều 99 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Dương Văn H phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, 234 BLTTHS:

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- Công an thị xã PY;
- VKS nhân dân thị xã PY;
- CC Thi hành án thị xã PY;
- Bị cáo;
- Nhà tạm giữ, lưu giam CAPY;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Thu Thủy